

Số: 23/BC-SNN

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kết luận số 32-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thu hút nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển địa phương giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Công văn số 04/SKHĐT-HTĐT ngày 02/01/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phối hợp báo cáo kết quả thực hiện Kết luận số 32-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thu hút nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển địa phương giai đoạn 2016-2020, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện một số nội dung như sau:

1. Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

1.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu

Năm 2019, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (khu vực 1) theo giá so sánh năm 2010 đạt trên 42.828 tỷ đồng (tăng 3,64%, tương đương 1.503 tỷ đồng so năm 2018). Ước giá trị tăng thêm đạt 18.615 tỷ đồng (tăng 3,15%, tương đương 568 tỷ đồng so năm 2018 và chiếm 35,3% trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh).

Tốc độ rút lao động từ nông nghiệp diễn ra nhanh chóng (tỷ lệ từ 69% vào năm 2012 - 2013 trước khi thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đến nay còn 50,2%). Năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2019 ước tăng 10,83%/năm (tăng 0,86 so với năm 2018).

Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn là 39,424 triệu đồng, bằng 3,12 lần so với năm 2011 (12,62 triệu đồng/người/năm); tỷ lệ hộ nghèo từ 9,98% năm 2016 đã giảm còn 4,28%. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt.

1.2. Một số kết quả nổi bật

1.2.1. Chuyển đổi nhận thức trong sản xuất nông nghiệp

Thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 16/6/2014 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp (TCCNN) tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030 đã tổ chức được 58.725 cuộc tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực với hơn 02 triệu lượt cán bộ, công chức, viên chức và nông dân tham dự, tạo đồng thuận trong cả hệ thống chính trị¹ từng bước, từng bước

¹ Theo khảo sát đánh giá của Ban tuyên giáo: “91,7% người dân biết về Đề án TCC NN, trong đó phần lớn người dân hiểu đúng về mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp như : 82,2% cho rằng mục tiêu TCCNN là đẩy mạnh liên

thay đổi nhận thức, tập quán sản xuất từ sản xuất nhỏ lẻ, truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thay đổi tư duy từ “làm kỹ thuật nông nghiệp” sang “làm kinh tế nông nghiệp” trong hệ thống ngành Nông nghiệp và lan tỏa đến các đơn vị sản xuất, kinh doanh nông sản.

Người sản xuất đã thay đổi nhận thức theo hướng tích cực, đã chú ý đến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá tạo điều kiện chuyển dịch lao động ra khỏi nông nghiệp và quan trọng nhất là nông dân bước đầu tự lực, ý thức chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

1.2.2. Các ngành hàng chủ lực được tổ chức sản xuất hiệu quả hơn

(1) Ngành hàng lúa gạo: Diện tích gieo trồng lúa năm 2019 đạt 521.429 ha, sản lượng 3,3 triệu tấn, với năng suất 63,9 tạ/ha. Giá trị sản xuất ngành lúa gạo năm 2019 theo giá so sánh năm 2010 ước đạt 17.631 tỷ đồng (tăng 0,5% so với năm 2018, tương đương khoảng 100 tỷ đồng).

Nhờ áp dụng cơ giới hóa² và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa như: Mô hình canh tác lúa lý tưởng tại HTX Mỹ Đông; Mô hình điều khiển hệ thống tưới tiết kiệm; Mô hình xây dựng điểm trình diễn 1 phải 5 giảm, mô hình sản xuất tốt GAP... tiếp tục phát triển. Lợi nhuận bình quân vụ Đông Xuân đạt 18,3 triệu đồng/ha, Hè Thu đạt 9,6 triệu đồng/ha, Thu Đông ước đạt 10,5 triệu đồng/ha; giá bán lúa vụ Đông Xuân giảm 1.068 đồng/kg, vụ Hè Thu giảm 40 đồng/kg so với cùng kỳ, vụ Thu Đông giảm 200 đồng/kg so với cùng kỳ.

(2) Ngành hàng xoài: Thực hiện tái cơ cấu ngành hàng xoài, Tổng diện tích xoài năm 2019 ước đạt 9.664 ha³ và sản lượng ước đạt 125 nghìn tấn, giá trị sản xuất ngành hàng xoài đạt 1.899 tỷ đồng (tăng 16,4%, tương đương 268 tỷ đồng so năm 2018). Lợi nhuận bình quân trồng xoài đạt 115-269 triệu đồng/ha⁴.

Xây dựng 06 điểm thực hành sản xuất xoài rải vụ theo hướng an toàn và 06 mô hình canh tác xoài rải vụ đủ điều kiện sản xuất an toàn ở huyện Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh, tổng diện tích 416,5 ha, đến nay diện tích sản xuất rải vụ thu hoạch cả tỉnh đạt 6.600 ha; Nhân rộng mô hình bao trái xoài trên 85% diện tích.

Công tác tổ chức liên kết tiêu thụ: Diện tích liên kết tiêu thụ hàng năm 1.073ha sản lượng 3.223 tấn. Hiện các công ty có ký kết hợp đồng liên kết tiêu thụ dài hạn với HTX, THT để đủ số lượng và đảm bảo sản lượng xoài ổn định đáp ứng

kết giữa sản xuất và thị trường, nâng cao trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho nông dân, 55,3% cho rằng mục tiêu là tạo sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao và 42,95% là bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng nông thôn mới. Đa số người dân tham gia tích cực với tinh thần trách nhiệm khi tham gia đề án. Cụ thể là: 73% cho rằng phải tăng cường liên kết để hạ thấp chi phí đầu vào và tăng giá trị đầu ra của sản phẩm, nâng cao thu nhập và 47,1% tự học hỏi và mạnh dạn ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm làm ra”.

² Tỷ lệ diện tích sạ hàng, sạ thưa chiếm 50%, tỷ lệ sử dụng giống xác nhận đạt 75%; cơ giới hóa áp dụng chủ yếu trên cây lúa ở các khâu như: làm đất 100%, gieo sạ (90%) và thu hoạch (100%)

³ Xoài cát chu 4.298 ha (chiếm 44%), Xoài Cát Hòa Lộc 2.056 ha (chiếm 21%) Xoài tượng da xanh 1.706 ha (chiếm 18%) còn lại các giống xoài khác.

⁴ Xoài Cát chu đạt 115 triệu đồng/ha, Xoài Cát Hòa Lộc 226 triệu đồng/ha, Xoài Đài Loan 269 triệu đồng/ha

cho thị trường xuất khẩu như: Công ty TNHH Nông sản sạch Đại Thuận Thiện, Công ty Sông Nhi, Công ty TNHH Kim Nhung, Công ty Long Uyên... Phối hợp Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức Lễ công bố xuất khẩu lô xoài đầu tiên của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ. Từ đó, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, công ty mở rộng thị trường xuất khẩu xoài⁵.

Áp dụng quy trình sản xuất, hợp tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học được chuyển giao⁶. Tính đến nay diện tích trồng xoài áp dụng sản xuất xoài rải vụ trong toàn tỉnh là 6.600 ha chiếm 68% tổng diện tích.

(3) Ngành hàng hoa kiểng: Tổng diện tích hoa kiểng năm 2019 ước đạt 2.850 ha ước giá trị sản xuất ngành hàng hoa kiểng đạt 3.516 tỷ đồng. Ngành hàng hoa kiểng đã tổ chức lại sản xuất, tạo được sự kết nối giữa nông dân và doanh nghiệp, gắn sản xuất với phát triển du lịch⁷.

Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp Công nghệ cao⁸ đã từng bước hoạt động có hiệu quả, hàng năm cung cấp khoảng 700.000 cây giống hoa cây mô với 16 chủng loại.

Công tác tập huấn chuyên gia Khoa học công nghệ đã được ứng dụng rộng rãi trên ngành hoa kiểng góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, nhân công và tăng hiệu quả sản xuất⁹. Ngoài ra, ngành hàng hoa kiểng Sa Đéc đã được Cục Sở hữu trí tuệ quyết định cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu “Làng hoa kiểng Sa Đéc” góp phần xây dựng và bảo vệ thương hiệu đặc trưng của địa phương.

Tập trung liên kết sản xuất 04 nhóm cây chủ lực như cây công trình, kiểng cỏ, bonsai và hoa chậu phục vụ quanh năm. Năm 2019, cây hoa sứ được xuất khẩu sang Đài Loan và một số nước Trung Đông. Bên cạnh đó Hội quán Sa Đéc đã tổ chức các phiên chợ hoa tại khu du lịch hoa kiểng hàng năm thu hút khoảng 1 triệu lượt khách đến làng hoa Sa Đéc.

(4) Ngành hàng cá tra: Sản xuất cá tra ngày càng phát triển theo hướng chuyên sâu. Diện tích nuôi cá tra năm 2019 ước đạt 2.600ha (tăng 150 ha so với năm 2018), tổng sản lượng ước đạt 530.000 tấn. Ước giá trị sản xuất ngành hàng cá tra đạt 8.639 tỷ đồng (tăng 5,19% so với năm 2018). Thu nhập của người nuôi cá tra đạt trên 1.022 triệu đồng/ha tăng 734 triệu đồng so với trước.

⁵ Cty TNHH Kim Nhung Đồng Tháp đã xuất ủy thác sang thị trường Hoa Kỳ trên 200 tấn, mở ra thị trường tiềm năng cho ngành hàng xoài.

⁶ Huyện Cao Lãnh và Thành phố Cao Lãnh tiếp tục xây dựng 06 điểm thực hành sản xuất xoài rải vụ theo hướng an toàn với tổng diện tích 416,5 ha, nhân rộng mô hình bao trái xoài trên 85% diện tích. Hỗ trợ cấp chứng nhận nhãn hiệu xoài: “xoài Cao Lãnh”, “xoài Cát Chu Cao Lãnh”; đăng ký cấp mã vùng trồng 300,54ha; hỗ trợ cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm sản xuất 16,55 ha; chứng nhận VietGAP (225,47,87 ha); chứng nhận GlobalGAP (42,71 ha)

⁷ Đến nay, đã thành lập 4 HTX sản xuất và kinh doanh hoa kiểng, trong đó thành phố Sa Đéc có 2 HTX và 06 hội quán với hơn 236 hội viên cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm trồng hoa kiểng và phát triển du lịch

⁸ Trung tâm đã triển khai thực hiện mô hình trồng hoa kiểng trong nhà màng kết hợp hệ thống tưới phun tại thành phố Sa Đéc với quy mô 6 nhà màng (300 m2/nhà màng) chủ yếu trồng các loại hoa kiểng có giá trị kinh tế cao như cúc đồng tiền, ly ly, cúc nhật... trồng hoa kiểng trong nhà màng giúp nông dân điều tiết được lượng nước, độ ẩm; tránh được mưa nắng đột ngột; không phụ thuộc vào thời tiết bên ngoài. Nhờ đó giảm chi phí phòng trừ sâu bệnh, giảm tỉ lệ hao hụt. đảm bảo sản xuất hoa quanh năm phục vụ khách tham quan du lịch.

⁹ Kỹ thuật nhân giống cây mô, sử dụng phân thuốc an toàn, công nghệ nhà màng, nhà lưới, tưới nhỏ giọt, tưới phun, tưới tự động, xử lý ra hoa, kiểm soát sâu bệnh đã được tập huấn và chuyển giao cho nông dân với 39 lớp với trên 910 lượt hội viên tham dự; 06 hộ thực hiện mô hình trồng hoa kiểng trong nhà với quy mô 300m2/hộ đã giảm hao hụt cây con, hạn chế lượng nước và ánh nắng mặt trời

Sản xuất cá tra đã gắn kết sản xuất và tiêu thụ trong chuỗi giá trị. Toàn tỉnh hiện có 20 doanh nghiệp nuôi cá tra xuất khẩu với diện tích 932,91 ha chiếm khoảng 62% diện tích nuôi của toàn tỉnh¹⁰. Các doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với HTX và nông dân với tổng diện tích 469,65 ha tương ứng với sản lượng 164.377 tấn¹¹.

Các vùng nuôi cá tra được tổ chức và quản lý chặt chẽ theo quy trình quản lý chất lượng, trong đó cấp mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm cho gần 100% diện tích nuôi, diện tích đã được chứng nhận các tiêu chuẩn là 827,98 ha, chiếm khoảng 55% diện tích nuôi cá tra của tỉnh¹².

Triển khai thực hiện Đề án liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao: Đơn vị đang phối hợp với các đơn vị tư vấn, các địa phương và doanh nghiệp có liên quan đang tiến hành rà soát, lập dự án xin chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống tập trung tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2019 – 2020 với diện tích 420 ha. Đồng thời tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí nguồn vốn để thực hiện theo Quyết định 987/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/3/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Sản xuất chế biến cá tra phát triển nhiều sản phẩm giá trị gia tăng (dầu cá Ranee, collagen, genlatin,...), chế biến bột cá làm thức ăn chăn nuôi từ phế phẩm chế biến cá tra. Mặc dù xuất khẩu cá tra còn nhiều khó khăn trong xuất khẩu, nhưng sản xuất, chế biến và tiêu thụ cá tra của Đồng Tháp vẫn duy trì phát triển, đạt gần 900 triệu USD, đứng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

(5) Ngành hàng vịt: Toàn tỉnh có 05 tổ hợp tác chăn nuôi vịt theo hướng an toàn sinh học. Do giá trứng giảm, các hộ nuôi bán trứng cho thương lái địa phương nên chưa khôi phục lại chuỗi liên kết cung ứng - sản xuất - tiêu thụ. Ước giá trị sản xuất ngành hàng vịt năm 2019 ước đạt 637 tỷ đồng (giảm 2,38% so với năm 2018, tương đương 16 tỷ đồng).

Chăn nuôi vịt đã từng bước làm thay đổi tập quán sản xuất từ nuôi vịt chạy đồng nhiều rủi ro sang nuôi nhốt cho giá trị cao và an toàn sinh học; tổ chức quản lý chặt ngành chăn nuôi vịt, tiêm phòng, không để phát sinh dịch cúm gia cầm trên địa bàn, thực nghiệm thành công mô hình nuôi nhốt vịt trứng làm cơ sở phát triển mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với người nuôi.

Về tình hình liên kết – tiêu thụ: Do giá thị trường trứng tăng, giảm không ổn định nên mối liên kết hợp tác giữa các thành viên trong tổ hợp tác không còn chặt chẽ. Qua củng cố, động viên nên vẫn duy trì được các tổ hợp tác chăn nuôi vịt trứng tại các huyện Thanh Bình, Tháp Mười, Tam Nông.

¹⁰ Diện tích nuôi cá tra của Doanh nghiệp có vùng sản xuất giống, nhà máy thức ăn và nhà máy chế biến là 144,30 ha; Diện tích của doanh nghiệp có nhà máy thức ăn và nhà máy chế biến là 695,82 ha; Diện tích của doanh nghiệp có nhà máy chế biến là 92,79 ha

¹¹ Công ty CP Vĩnh Hoàn, Công ty TNHH MTV CB Thủy sản Hoàng Long, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đa quốc gia IDI, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Việt Thắng, Công ty TNHH Có May, Công ty cổ phần thủy sản Ngọc Xuân, Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam chi nhánh Bến Tre....

¹² Tiêu chuẩn ASC là 93 ha, tiêu chuẩn GlobalGAP là 12,02 ha, tiêu chuẩn BAP là 52,56 ha, tiêu chuẩn ASC và GlobalGAP có 37,36 ha, tiêu chuẩn ASC và BAP có 27,97 ha, tiêu chuẩn GlobalGAP và BAP có 10,74 ha, tiêu chuẩn ASC, GlobalGAP và BAP có 36,43 ha, quy phạm VietGAP và tiêu chuẩn ASC là 6,14 ha, quy phạm VietGAP có 551,76 ha.

Nhìn chung: Phương châm tái cơ cấu nông nghiệp là "Hợp tác, liên kết và thị trường" thích ứng với biến đổi khí hậu. Tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã đạt được một số thành tựu, bước đầu tổ chức lại sản xuất nông nghiệp chuyển hướng hợp tác, liên kết tập trung quy mô lớn, phát huy lợi thế của mỗi ngành hàng chủ lực của địa phương, đặc biệt các sản phẩm lúa gạo, cá tra, xoài, hoa kiềng đã gia tăng về mặt số lượng, giá trị, đem lại lợi ích cho người nông dân. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được triển khai trong thời điểm ngành nông nghiệp đang trong giai đoạn khó khăn và tăng trưởng bị chậm lại. Nhất là, năm 2017- 2018 sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu, giá heo hơi liên tục giảm, thời tiết thất thường gây mưa trái mùa trùng vào thời điểm một số diện tích lúa đang trổ, cộng với suy thoái về đất đai, làm giảm sản lượng lúa và chăn nuôi.

- Mặc dù tỉnh đã có nhiều cố gắng, nhưng quá trình vận hành đề án đã gặp không ít khó khăn, vướng mắc, nhất là công tác đổi mới cơ chế hoạt động điều hành quản lý bộ máy và nguồn lực đầu tư

- Nhân tố hạt nhân trong tổ chức sản xuất là doanh nghiệp thì không nhiều, hoạt động chưa hiệu quả, một phần do năng lực quản lý điều hành yếu, chưa thích ứng kịp với cơ chế thị trường, mặt khác năng lực tài chính kém, trong khi vay tín dụng gặp nhiều khó khăn; HTX tuy được quan tâm hỗ trợ nhưng còn nhiều rào cản về cơ chế nên chưa thể phát huy vai trò chủ đạo trong phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn; Kinh tế trang trại, gia trại chưa được quan tâm phát triển

- Kết cấu hạ tầng cơ sở còn nhiều khó khăn, yếu kém nên sản phẩm nông nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh do hệ quả của nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún

- Nút thắt của quá trình tái cơ cấu là chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tích tụ đất đai, xây dựng cánh đồng lớn, chính sách vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn còn nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai cần tiếp tục được tháo gỡ, phát huy hiệu quả trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

2. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.1. Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 138/2017/NQ-HĐND

a) Về hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai được thí điểm áp dụng trong lĩnh vực trồng lúa, trồng cây ăn trái, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

Năm 2018, kinh phí phê duyệt hỗ trợ là 5.372,14 triệu đồng; đến thời điểm hiện tại, có 06/08 huyện đạt tiến độ giải ngân đạt 100%, tương ứng 3.456,97 triệu đồng. Riêng huyện Tam Nông mới giải ngân được 23% (kinh phí còn lại chưa giải ngân 1.845,17 triệu đồng) do huyện tổ chức rà soát lại các hồ sơ đảm bảo theo quy định mới tiến hành giải ngân; còn huyện Tân Hồng giải ngân được 92,2% (kinh phí

còn lại chưa giải ngân 70 triệu đồng) huyện đang làm thủ tục giải ngân phần kinh phí còn lại.

Năm 2019: Có 08 huyện, thị xã đăng ký hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai và cơ giới hoá trong SXNN (gồm huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, TX. Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, huyện Cao Lãnh, Tháp Mười, Lai Vung). Tổng số đối tượng đăng ký hỗ trợ là 103 đối tượng; tổng diện tích đất thuê là 1.186,65 ha (trong đó: diện tích thuê trồng lúa là 1.125,79 ha và diện tích thuê trồng cây ăn trái là 60,86 ha cây ăn trái) và 02 đối tượng đăng ký hỗ trợ cơ giới hóa. Tổng kinh phí đăng ký hỗ trợ là 6.606,61 triệu đồng.

- Về chính sách hỗ trợ cho vay phát triển một số ngành hàng nông nghiệp tiềm năng:

Đến thời điểm hiện tại, có 11 phương án, dự án (gồm các huyện Tân Hồng, TX. Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, TP. Sa Đéc) được UBND Tỉnh phê duyệt hỗ trợ cho vay. Tổng số đề nghị vốn vay là 4.400 triệu đồng.

Nhìn chung, qua thời gian triển khai thực hiện, Nghị quyết đã phát huy hiệu quả tích cực, nhận được sự đồng thuận của các tổ chức và cá nhân; hỗ trợ kịp thời các tổ chức, cá nhân trong tích tụ, tập trung đất đai mở rộng sản xuất và phát triển các ngành hàng tiềm năng của tỉnh, góp phần thực hiện thành công Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng còn những khó khăn, vướng mắc như: công tác triển khai nghị quyết chưa được thực hiện thường xuyên nên các địa phương không nắm rõ tinh thần Nghị quyết cũng như những quy định, trình tự thủ tục,... từ đó công tác vận động hướng dẫn người dân thực hiện còn hạn chế; công tác giải ngân chưa đạt yêu cầu; thủ tục chứng thực Hợp đồng thuê đất còn nhiều vướng mắc do Giấy Chứng nhận QSDĐ đang thể chấp ở Ngân hàng; diện tích tập trung chưa phù hợp với từng vùng trong tỉnh; Tỉnh ban hành nhiều Nghị quyết về chính sách về nông nghiệp tương đối có tính tương đồng nên khó cho các tổ chức cá nhân tìm hiểu, thực hiện...

2.2. Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định 2261/QĐ-TTg.

a) Về hỗ trợ nguồn nhân lực (thí điểm hỗ trợ lao động trẻ có trình độ làm việc có thời hạn tại HTXNN theo Nghị quyết số 176/2018/NQ-HĐND)

- Năm 2018, đã hỗ trợ cho 38/79 HTX thuê được lao động, chiếm 48,1% so với chỉ tiêu Nghị quyết (trong đó có 06 HTX kiểu mới theo Quyết định 445/QĐ-TTg và 32/70 HTX khác).

- Năm 2019, đã hỗ trợ cho 64/79 HTX thuê được lao động, chiếm 81,01% so với chỉ tiêu nghị quyết (trong đó có 09 HTX kiểu mới theo Quyết định 445/QĐ-TTg và 55/70 HTX khác).

Nhìn chung, các lao động được hỗ trợ làm việc tại HTX đều đáp ứng các yêu cầu, điều kiện mà Nghị quyết đã đề ra. Lao động vào làm việc HTX chủ yếu đảm nhiệm các chức danh như Phó Giám đốc phụ trách mảng kinh doanh, cán bộ

kỹ thuật, kế toán HTX, ... đã góp phần phát triển đội ngũ tri thức trẻ trong lĩnh vực kinh tế hợp tác; các khâu tài chính, kỹ thuật canh tác lịch thời vụ HTX được quan tâm theo dõi.

b) Về hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho HTXNN:

Năm 2019, Sở Nông nghiệp và PTNT đã trình UBND tỉnh hỗ trợ 13 HTX xây dựng (công trình thủy lợi, GTNĐ, đường giao thông trực chính vào khu sản xuất) từ nguồn vốn mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với tổng mức đầu tư là 5.250 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 4.200 triệu đồng, HTX đối ứng 1.050 triệu đồng (cơ chế hỗ trợ là Trung ương sẽ hỗ trợ 80% và HTX đóng góp 20% tổng mức đầu tư của dự án). Hiện đang triển khai thực hiện.

2.3. Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (theo Nghị quyết 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

Ngày 06/12/2018, Hội đồng nhân dân Tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND Về Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (cụ thể hoá Nghị định số 98/2018/NĐ-CP). Đến ngày 28/10/2019, UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch số 242/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Hiện Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai Kế hoạch số 242/KH-UBND đến các huyện, thị xã, thành phố nắm, triển khai thực hiện.

3. Kết quả huy động nguồn lực xã hội để thực hiện mục tiêu phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Tính đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 71 xã đạt đủ 19/19 tiêu chí (đạt 59,66%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới¹³ (tăng 39 xã so năm 2016); 8 xã đạt 19 tiêu chí (đã tổ chức thẩm tra, chuẩn bị thông qua Hội đồng cấp tỉnh); 40 xã đạt từ 12 - 18 tiêu chí; thành phố Sa Đéc được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm vào năm 2016; thành phố Cao Lãnh và thị xã Hồng Ngự hoàn thành hồ sơ đề nghị xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới). Kết quả đạt được là nhờ: Các ngành, địa phương đã tập trung thực hiện Phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020 nhằm tiếp tục huy động mọi nguồn lực, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng phong trào; tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức như: xây dựng chuyên mục, bài viết về xây dựng nông thôn mới (NTM) trên các phương tiện thông tin truyền thông và trên trang điện tử nông thôn mới tỉnh; tổ chức Hội thi về xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền, lồng ghép với các phong trào, mô hình do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội phát động như: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh;

¹³ Kể cả xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự trước đây.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo”; phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới, thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; phong trào “Tuổi trẻ Đồng Tháp chung sức xây dựng nông thôn mới”. Từ đó, phong trào thi đua đã lan tỏa rộng khắp đến từng hộ gia đình nông thôn. Hầu hết cán bộ, công chức và người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm của mình trong tham gia xây dựng nông thôn mới; ý thức tự lực, hợp tác của người dân, cộng đồng dân cư ngày càng nâng cao rõ nét.

Nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo được nhận rộng: Mô hình cộng đồng dân cư quản lý xây dựng nông thôn mới theo phương châm “3 tự - 1 nhờ”¹⁴; mô hình nhà nước cấp vật tư, người dân đóng góp ngày công lao động trong xây dựng cầu đường nông thôn; mô hình sổ tay hộ gia đình thi đua “Chung sức xây dựng NTM”¹⁵; mô hình xây dựng điểm vui chơi cho thanh thiếu nhi xã nông thôn mới (24 điểm), cụm dân xanh - an toàn (duy trì, phát triển 44 điểm), biển bãi rác thành vườn hoa (45 mô hình) của Đoàn Thanh niên tỉnh; mô hình Chi hội Nông dân “Nhà sạch, Đường sạch, Đồng ruộng sạch”¹⁶ của Hội Nông dân tỉnh; mô hình “Đoạn đường 3 sạch”¹⁷, mô hình “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” của Hội Phụ nữ tỉnh;...

Lũy kế giai đoạn 2016 - 2019, tổng vốn huy động trực tiếp cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh là 234.913,91 tỷ đồng, trong đó Ngân sách Trung ương 668,81 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng 909,261 tỷ đồng; vốn lồng ghép 44.357,139 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp 902,975 tỷ đồng; vốn huy động từ cộng đồng dân cư, vốn khác 882,733 tỷ đồng và nguồn lực lớn từ huy động vốn tín dụng 227.194,992 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có sự đổi mới tư duy, phát huy tính chủ thể của người dân. Đặc biệt là sự ra đời của mô hình cộng đồng dân cư quản lý xây dựng nông thôn mới theo phương châm “3 tự - 1 nhờ” hướng đến phát triển tinh thần cộng đồng, tự lực, chăm chỉ, hợp tác của chính người dân để tự vươn lên với khát vọng khởi nghiệp, làm giàu, xây dựng nông thôn mới bền vững tại địa phương; sự ra đời của các Hội quán nông dân, tạo cơ hội và môi trường lành mạnh để tập hợp người dân, cùng chia sẻ kinh nghiệm, tiếp cận kiến thức mới trong sản xuất, cùng mua chung, bán chung để phát triển kinh tế, làm giàu cho xã hội. Đã mạnh dạn thực hiện cơ chế nhà nước cấp vật tư, người dân đóng góp ngày công lao động trong xây dựng các công trình nông thôn gắn với nhu cầu sản xuất, dân sinh từ ý nguyện của người dân theo phương châm “dân bàn, dân

¹⁴ Kết quả lớn nhất từ những mô hình này mang lại chính là sự khơi dậy được tinh thần cộng đồng, tự lực, chăm chỉ, hợp tác của mỗi người dân sống ở nông thôn; cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, làm giàu. Cụ thể như: từ mô hình Nhà nước cấp vật tư, người dân đóng góp ngày công lao động khi người dân chủ động, tích cực bỏ công sức, tiền của, công sức để thực hiện công trình; huy động khối lượng lớn hội viên, đoàn viên, các tổ chức tình nguyện, từ thiện của xã hội cùng gắn kết, hướng đến mục tiêu chung xây dựng nông thôn mới với chính quyền.

¹⁵ Đây là mô hình do Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, với sự vào cuộc của cấp ủy, tổ chức chính trị XH các cấp; từ kết quả thí điểm tại 02 xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh và xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, mô hình tiếp tục được nhân rộng đến 37 xã điểm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, với tổng số 95.220 hộ gia đình nông thôn tham gia, đăng ký thực hiện. Trong năm 2019, mô hình đã được nhân rộng trên tất cả các xã, nội dung bao gồm chung sức xây dựng NTM theo tiêu chí hiện nay và cả tiêu chí NTM nâng cao.

¹⁶ Vừa tổ chức triển khai tại xã Tân Phú, huyện Châu Thành.

¹⁷ Gồm 3 nội dung: bỏ rác đúng nơi quy định; không vứt rác xuống sông, kênh, rạch; không sử dụng túi nilon. Có 100% cơ sở duy trì hiệu quả mô hình “đoạn đường 3 sạch” tại cộng đồng dân cư với tổng chiều dài trên 500km.

làm, dân thụ hưởng” trong xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như:

- Trong chỉ đạo thực hiện, một số địa phương chưa chủ động nghiên cứu thực hiện, còn tình trạng trông chờ chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, không chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Ở cấp huyện, xã chưa bố trí được cán bộ chuyên trách Chương trình nông thôn mới, từ đó việc theo dõi, tham mưu, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ. Một số lãnh đạo được phân công phụ trách các xã chưa thật sự dành nhiều thời gian đi thực địa để nắm thông tin và hỗ trợ tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình.

- Việc duy trì, nâng chất tiêu chí NTM ở các xã đạt chuẩn trong giai đoạn 2011 -2015 ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, có tình trạng tự bằng lòng sau khi xã đạt chuẩn NTM. Các phong trào xây dựng nông thôn mới ở một số nơi vẫn còn mang tính hình thức, cầm chừng, công tác huy động nguồn lực, phát huy vai trò chủ thể của người dân chưa đáp ứng được xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trong tình hình mới; vẫn còn trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên mới thực hiện.

- Công tác triển khai và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả đã được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuy nhiên chưa có sự gắn kết chặt chẽ trong phối hợp thực hiện (mỗi đoàn thể đều có mô hình riêng, tự tổ chức thực hiện) để tạo nên bức tranh hoàn chỉnh và thật sự nổi bật. Việc phát động vẫn còn mang tính chỉ đạo từ cấp trên xuống cấp dưới, thiếu tính chủ động và sáng tạo riêng của địa phương. Do vậy, chưa tạo được tính thi đua giữa các địa phương để phong trào đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn.

- Công tác theo dõi, cập nhật và tổng kết huy động nguồn lực từ người dân, tổ chức xã hội chưa chặt chẽ; thiếu sơ kết, tổng kết, đánh giá các phong trào đã phát động cấp cơ sở để rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Một số giải pháp để thu hút, phát huy nguồn lực xã hội trong thời gian tới

Trước hết phải tăng cường công tác lãnh chỉ đạo, quán triệt sâu sắc nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong toàn đảng, toàn dân; Vì thực tiễn khẳng định ở đâu có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt cùng sự quyết tâm, sâu sát và tính gương mẫu của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện thì nơi đó sẽ đạt kết quả tốt trong xây dựng nông thôn mới gắn tái cơ cấu nông nghiệp.

Đổi mới công tác tuyên truyền, tạo nhận thức đúng đắn về nội dung, mục đích ý nghĩa, giải pháp thực hiện Chương trình, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng, đặc biệt sự đồng thuận, chia sẻ về lợi ích, trách nhiệm của người dân để người dân tự nguyện, hăng hái tham gia thực hiện. Khơi dậy sức mạnh cộng đồng (doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân) là yếu tố then chốt để thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới cần khởi đầu từ từng con người đến gia đình, thôn xóm, tạo nền tảng vững chắc để tiến lên xây dựng xã, huyện nông thôn mới. Tạo sự đồng thuận trong cộng đồng để tập trung giải quyết những vấn đề căn cơ nhất ảnh hưởng đến

cuộc sống hàng ngày của người dân. Phải tạo phong trào thi đua, tạo sự cạnh tranh thực sự, thường xuyên, liên tục trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực nông thôn, nuôi dưỡng ngọn lửa nông thôn mới (nông thôn mới có điểm bắt đầu, nhưng không có điểm kết thúc).

Mỗi địa phương có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, tránh rập khuôn, máy móc. Tạo điều kiện để mỗi địa phương tự chủ trong xác định nhu cầu thiết thực và việc phân bổ nguồn lực cũng tập trung ưu tiên hơn cho các nhu cầu thiết thực này.

Gắn kết chặt chẽ các phong trào thi đua với các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của các địa phương, nhất là các chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

Địa phương nào đoàn kết nội bộ tốt, phát huy dân chủ thực sự; người đứng đầu quyết liệt vào cuộc thì xây dựng nông thôn mới ở nơi đó đạt kết quả cao. Đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết”. Việc sử dụng nguồn lực vào các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch.

Xác định xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, không chủ quan, nóng vội, chạy theo thành tích, nhưng phải tích cực, quyết liệt, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm hoàn thiện. Kịp thời khen thưởng, biểu dương những cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới và cần tăng cường kiểm tra, giám sát để có chỉ đạo, uốn nắn kịp thời.

Trên đây là báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GD và Phó GD Sở;
- VP Sở (N/C);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phước Thiện